

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 17 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 119/2026/DS-ST
Ngày 15 – 6 - 2026
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đỗ Thị Ngọc Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Trọng Tình;

Bà Võ Thị Tuyết Nhung;

- **Thư ký phiên toà:** Ông Nguyễn Trường Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà:** Ông Trương Anh Tú - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 175/2026/TLST-DS ngày 11 tháng 3 năm 2026 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 147/2026/QĐST-DS ngày 25 tháng 5 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 145a/2026/QĐST-DS ngày 10/6/2026 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Q; địa chỉ: tầng A (tầng trệt) và tầng 2, tòa nhà S, số A P, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V. Chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện hợp pháp: Bà Châu Bích N; sinh năm: 1994; địa chỉ: A N, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh. Là đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 02/02/2026). Có mặt.

Bị đơn: Bà Vũ Thị H, sinh năm 1972, CCCD số: 031172000573 và ông Lương Văn H1, sinh năm 1975, giấy chứng minh nhân dân số: 281256525, cùng địa chỉ: Tổ C, khu phố F, phường V, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình tố tụng, đại diện hợp pháp của nguyên đơn (bà Châu Bích N) trình bày:*

Ngày 18/01/2021, Ngân hàng TMCP Q (viết tắt là V1) và ông Lương Văn H1, bà Vũ Thị H1 thoả thuận ký kết hai hợp đồng tín dụng (viết tắt là HĐTD); ngày 23/02/2021 V1 và ông Lương Văn H1 ký kết hợp đồng cấp thẻ tín dụng. Cụ thể như sau:

- HĐTD số 6897870.21 ngày 18/01/2021 với nội dung: VIB cho ông Lương Văn H1 và bà Vũ Thị H1 vay số tiền 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng); Mục đích vay vốn: Bổ đắp vốn tự có mua bất động sản tại Thửa đất số 727, Tờ bản đồ số 12, địa chỉ Xã V, Thị xã T, Tỉnh Bình Dương; Thời hạn vay: 240 tháng. Lãi suất vay: Lãi suất tại thời điểm giải ngân: 9.3%/năm. Lãi suất này là lãi suất ưu đãi (so với lãi suất thông thường là: Lãi suất cơ sở theo sản phẩm trong kỳ + biên độ 3.1%/năm) và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân Khoản Tín Dụng. Hết thời hạn ưu đãi nói trên, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng Lãi suất cơ sở theo sản phẩm cộng biên độ 3.7%/năm. Ngày trả lãi: Hàng tháng vào ngày 18, ngày trả lãi đầu tiên: ngày 18/02/2021.

Ngày 18/01/2021, V1 đã giải ngân cho ông Lương Văn H1 và bà Vũ Thị H1 theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 9214350.21 với số tiền 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng) theo đúng yêu cầu của khách hàng và phù hợp với HĐTD.

- HĐTD số 7198603.21 ngày 18/01/2021 với nội dung: VIB cho ông Lương Văn H1 và bà Vũ Thị H1 vay số tiền 545.000.000 đồng (năm trăm bốn mươi lăm triệu đồng); Mục đích vay vốn: Vay tiêu dùng mua sắm thiết bị và trang trí nội thất; Thời hạn vay: 96 tháng. Lãi suất vay: Lãi suất tại thời điểm giải ngân: 12.5%/năm. Lãi suất này sẽ được V1 chủ động điều chỉnh 03 tháng một lần bằng Lãi suất cơ sở theo sản phẩm cộng biên độ 4.1%/năm. Ngày trả lãi: Hàng tháng vào ngày 18, ngày trả lãi đầu tiên: ngày 18/02/2021.

Ngày 18/01/2021 đã giải ngân cho ông Lương Văn H1 và bà Vũ Thị H1 theo đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 2297465.21 với số tiền 545.000.000 đồng (năm trăm bốn mươi lăm triệu đồng) theo đúng yêu cầu của khách hàng và phù hợp với HĐTD.

- Căn cứ Hợp đồng/Đơn phát hành thẻ tín dụng đã ký ngày 23/02/2021 (viết tắt là Thẻ tín dụng), V1 đồng ý cấp Thẻ tín dụng cho ông Lương Văn H1 chi tiết số thẻ như sau 5268873000525580, số tài khoản thẻ: C000000000414701; Hạn mức thẻ: 175.000.000 đồng (một trăm bảy mươi lăm triệu đồng); Lãi suất, phí: theo bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng VIB.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Lương Văn H1 và bà Vũ Thị H1 đã vi phạm nội dung thỏa thuận tại HĐTD; hợp đồng thế chấp đã ký, khoản vay đã quá hạn thanh toán kể từ ngày 19/02/2024 và đang xếp loại nợ nhóm 5 là nợ xấu theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 31/2024/TT-NHNN của Ngân hàng N1.

Tạm tính đến ngày 15/6/2026, ông **Lương Văn H1** và bà **Vũ Thị H** đã thanh toán cho **V1** số tiền là 1.128.958.351 đồng (trong đó: gốc là 441.336.000 đồng, lãi là 687.622.351 đồng) và còn nợ VIB số tiền là: 2.836.045.744 đồng (hai tỷ tám trăm ba mươi sáu triệu, không trăm bốn mươi lăm nghìn bảy trăm bốn mươi sáu đồng)

+ Tài sản bảo đảm cho các khoản vay: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 1083, tờ bản đồ số: 17, địa chỉ: **Phường V, thị xã T, tỉnh Bình Dương (nay là phường V, Thành phố Hồ Chí Minh)** theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CV 046320, số vào sổ cấp GCN: CS16060 do **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B** cấp ngày 28/05/2020, đứng tên ông **Lương Văn H1**”. Tài sản này được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp (viết tắt HĐTC) số công chứng: 00426, Quyền số: 01 TP/CC-SCC/HĐGD do **Văn Phòng C** công chứng ngày 12/01/2021. Việc thế chấp và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật

VIB khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết

1. Buộc ông **Lương Văn H1** và bà **Vũ Thị H** phải trả toàn bộ số tiền chưa thanh toán theo HĐTD (“Khoản nợ”) cho **V1** trong một lần và ngay sau khi Bản án/Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật với số tiền tạm tạm tính đến ngày 15/6/2026 là 2.836.045.744 đồng. Cụ thể:

- Dư nợ của khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 6897870.21 ngày 18/01/2021 là 1.929.856.951 đồng (trong đó: nợ gốc: 1.275.000.000 đồng, nợ lãi: 83.344.452 đồng, lãi quá hạn: 571.512.499 đồng).

- Dư nợ của khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 7198603.21 ngày 18/01/2021 là 528.530.138 đồng (trong đó: nợ gốc: 340.592.000 đồng, nợ lãi: 24.110.859 đồng, nợ lãi quá hạn: 163.827.279 đồng).

- Thẻ tín dụng đã ký ngày 23/02/2021: Nợ gốc 174.896.375 đồng; Phí: 55.728.652 đồng; nợ lãi quá hạn: 147.033.628 đồng; Tổng cộng 377.658.655 đồng.

Ông **Lương Văn H1** và bà **Vũ Thị H** còn phải tiếp tục trả tiền lãi trên nợ gốc trong hạn, tiền lãi trên nợ gốc quá hạn, tiền lãi chậm trả và phí (nếu có) theo mức lãi suất quy định tại HĐTD, Khế ước nhận nợ đã ký kể từ ngày 16/6/2026 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ các khoản tiền phải trả cho VIB theo quy định tại HĐTD đã ký.

2. Công nhận Hợp đồng thế chấp số 6310641.21.638 ngày 12/01/2021 có hiệu lực pháp luật và tiếp tục ràng buộc các bên theo nội dung đã thỏa thuận.

3. Trường hợp, ông **Lương Văn H1** và bà **Vũ Thị H** không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán các khoản phải trả cho **V1**, **V1** được quyền xử lý toàn bộ tài sản bảo đảm theo các phương thức và nội dung quy định đã thỏa thuận tại HĐTC hoặc yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền thực hiện kê biên, phát mãi toàn bộ tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 1083, tờ bản đồ số: 17, địa chỉ: **Phường V, thị xã T, tỉnh Bình Dương (nay là Phường V, Thành phố Hồ Chí Minh)** theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CV 046320, số vào sổ cấp GCN: CS16060 do **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B** cấp ngày 28/05/2020, đứng tên ông

Lương Văn H1. Tài sản này được thế chấp theo HĐTC số công chứng: 00426, Quyền số: 01 TP/CC-SCC/HĐGD do **Văn Phòng C** công chứng ngày 12/01/2021.

4. Trường hợp nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán hết Khoản nợ thì Ông **Lương Văn H1** và Bà **Vũ Thị H** vẫn phải có nghĩa vụ trả hết Khoản nợ còn lại cho **V1**.

- Đối với bị đơn ông **Lương Văn H1** và bà **Vũ Thị H**:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để yêu cầu bị đơn có ý kiến trả lời bằng văn bản đối với các yêu cầu của nguyên đơn cũng như cung cấp các chứng cứ liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do, không cung cấp chứng cứ cho Tòa án.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Tòa án và nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn là có căn cứ chấp nhận một phần nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn liên đới thanh toán các khoản nợ của hai HĐTD nêu trên; đề nghị chấp nhận đối với yêu cầu của nguyên đơn về tiền lãi phát sinh và yêu cầu phát mãi tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.

Đối với yêu cầu buộc bị đơn (bà **Vũ Thị H**) liên đới cùng ông **Lương Văn H1** trả khoản nợ đối với Thẻ tín dụng ký ngày 23/02/2021 là không có cơ sở chấp nhận, vì không có chứng cứ chứng minh bà **H** cùng ông **H1** cùng sử dụng khoản tiền vay này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của các đương sự: bà **Vũ Thị H** và ông **Lương Văn H1** có đăng ký thường trú và đang sinh sống tại thửa đất 1083 tờ bản đồ số 17, **Tổ C, khu phố F, phường V, Thành phố Hồ Chí Minh** tuy nhiên ông **H1**, bà **H** không đồng ý ký nhận bất kỳ văn bản tố tụng nào của Tòa án, cụ thể biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 02/4/2026 bà **H** có tham gia buổi xem xét thẩm định tại chỗ nhưng không ký biên bản. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng để triệu tập bị đơn làm việc nhưng bị đơn vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc. Tòa án đã triệu tập bị đơn tham gia phiên tòa vào các ngày 10/6/2026 và 15/6/2026 nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án: Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không cung cấp tài liệu chứng cứ. Tòa án đã niêm yết các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để bị đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, tuy nhiên bị đơn không tham gia tố tụng là từ bỏ quyền tham gia tố tụng của mình, đồng thời cũng không có ý kiến phản đối đối với chứng cứ do nguyên đơn cung

cấp, do vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ do nguyên đơn cung cấp làm căn cứ giải quyết vụ án.

[2.1] Xem xét HĐTD số 6897870.21 ngày 18/01/2021; HĐTD số 7198603.21 ngày 18/01/2021; HĐTC quyền sử dụng đất số 6310641.21.638 ngày 12/01/2021 được giao kết giữa V1 và bà Vũ Thị H, ông Lương Văn H1 đã thể hiện ý chí tự nguyện thỏa thuận giữa hai bên. Tính đến ngày 15/6/2026 bị đơn còn nợ V1 tổng số tiền 2.458.387.089 đồng, trong đó: Dư nợ gốc: 1.615.592.000 đồng; Lãi trong hạn: 107.455.311 đồng; Lãi quá hạn: 735.339.778 đồng.

Cụ thể:

- Dư nợ của khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 6897870.21 ngày 18/01/2021 là 1.929.856.951 đồng (trong đó: nợ gốc: 1.275.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 83.344.452 đồng, lãi quá hạn: 571.512.499 đồng).

- Dư nợ của khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 7198603.21 ngày 18/01/2021 là 528.530.138 đồng (trong đó: nợ gốc: 340.592.000 đồng, nợ lãi: 24.110.859 đồng, nợ lãi quá hạn: 163.827.279 đồng).

Xét thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận, do vậy buộc bị đơn phải trả cho VIB số tiền trên.

[2.2] Xem xét Thẻ tín dụng đã ký ngày 23/02/2021. Tính đến ngày 15/6/2026, số nợ gốc 174.896.375 đồng; nợ lãi trong hạn 147.033.628 đồng; Phí: 55.728.652 đồng; Tổng cộng 377.658.655 đồng.

Giao dịch này do ông Lương Văn H1 ký kết nên buộc ông H1 có nghĩa vụ thanh toán cho V1. VIB yêu cầu buộc ông H1 và bà H liên đới thanh toán là không có cơ sở chấp nhận.

[3] Về tiền lãi: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ là phù hợp với HĐTD đã ký kết và Luật các Tổ chức tín dụng. Do vậy, có căn cứ buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tiền lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 16/6/2026) cho đến khi thanh toán xong tiền nợ cho nguyên đơn.

[4] Về xử lý tài sản thế chấp: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 6310641.21.638 ngày 12/01/2021, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 1083, tờ bản đồ số: 17, địa chỉ: Phường V, thị xã T, tỉnh Bình Dương (nay là Phường V, Thành phố Hồ Chí Minh) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CV 046320, sổ vào sổ cấp GCN: CS16060 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 28/05/2020, đứng tên ông Lương Văn H1. Tài sản này được thế chấp theo HĐTC số công chứng: 00426, Quyền số: 01 TP/CC-SCC/HĐGD do Văn Phòng C công chứng ngày 12/01/2021. Tại Điều 1 của HĐTC thể hiện tài sản thế chấp nêu trên dùng để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ của ông H1 và bà H đối với các thỏa thuận cấp tính dụng khác giữa V1 với ông H1 và bà H trong khoản thời gian từ ngày 11/01/2021 đến ngày 11/01/2026. Do vậy, được V1 được đề nghị phát mãi để thu hồi nợ đối với các HĐTD và Thẻ tín dụng nêu trên.

Trường hợp nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán hết các khoản nợ thì ông **Lương Văn H1** và bà **Vũ Thị H** vẫn phải có nghĩa vụ trả hết các khoản nợ còn lại cho **V1**.

[5] Về chi phí tố tụng (chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ): Nguyên đơn đã tạm ứng chi phí tố tụng 5.000.000 đồng, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên cần buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn chi phí đã nộp nêu trên.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định của Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào Điều 144, 147, 228, 238, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ các Điều 116, 117, 118, 119, 351, 463, 466, 468, 171 của Bộ luật Dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

I. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Q** đối với bị đơn ông **Lương Văn H1** và bà **Vũ Thị H** về việc Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

1.1 Buộc ông **Lương Văn H1**, bà **Vũ Thị H** liên đới thanh toán cho **Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Q** tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 15/6/2026 là 2.458.387.089 đồng, trong đó: Dư nợ gốc: 1.615.592.000 đồng; Lãi trong hạn: 107.455.311 đồng; Lãi quá hạn: 735.339.778 đồng.

Cụ thể:

- Dư nợ của khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 6897870.21 ngày 18/01/2021 là 1.929.856.951 đồng (trong đó: nợ gốc: 1.275.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 83.344.452 đồng, lãi quá hạn: 571.512.499 đồng).

- Dư nợ của khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 7198603.21 ngày 18/01/2021 là 528.530.138 đồng (trong đó: nợ gốc: 340.592.000 đồng, nợ lãi: 24.110.859 đồng, nợ lãi quá hạn: 163.827.279 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 16/6/2026) cho đến khi thi hành án xong, ông **Lương Văn H1**, bà **Vũ Thị H** còn phải liên đới trả tiền lãi phát sinh của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa **Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Q** với ông **Lương Văn H1** và bà **Vũ Thị H** nêu trên nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

1.2 Buộc ông **Lương Văn H1** thanh toán cho **Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Q** số tiền nợ của Thẻ tín dụng đã ký ngày 23/02/2021 có số thẻ: 5268873000525580, số tài khoản thẻ: C00000000414701 là 377.658.655 đồng (trong đó: nợ gốc: 174.896.375 đồng, nợ lãi quá hạn: 147.033.628 đồng; phí: 55.728.652 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 16/6/2026) cho đến khi thi hành án xong, ông **Lương Văn H1** còn phải trả tiền lãi phát sinh của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Thẻ tín dụng đã ký kết giữa **Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Q** với ông **Lương Văn H1** nêu trên nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Trong trường hợp ông **Lương Văn H1**, bà **Vũ Thị H** không trả hoặc trả không hết nợ thì **Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Q** được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại các tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 1083, tờ bản đồ số: 17, địa chỉ: **Phường V, thị xã T, tỉnh Bình Dương (nay là Phường V, Thành phố Hồ Chí Minh)** theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CV 046320, số vào sổ cấp GCN: CS16060 do **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B** cấp ngày 28/05/2020, đứng tên ông **Lương Văn H1**, theo Hợp đồng thế chấp số 6310641.21.638 ngày 12/01/2021 (số công chứng: 00426, Quyền số: 01 TP/CC-SCC/HĐGD do **Văn Phòng C** công chứng ngày 12/01/2021) để thu hồi các khoản nợ nêu tại mục 1.1 và 1.2 Phần I của Quyết định này.

Trường hợp sau khi xử lý xong tài sản bảo đảm mà không đủ để thanh toán hết các khoản nợ thì ông **H1** và bà **H** vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với các khoản nợ thuộc nghĩa vụ của mình.

3/ Không chấp nhận một phần yêu cầu của **Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Q** đối với yêu cầu bà **Vũ Thị H** liên đới với ông **Lương Văn H1** thanh toán cho **Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Q** đối với khoản nợ của Thẻ tín dụng nêu tại mục 1.2 Phần I của Quyết định này.

II/ Về chi phí tố tụng: Ông **Lương Văn H1**, bà **Vũ Thị H** phải nộp 5.000.000 đồng để hoàn trả cho **Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Q**

III. Án phí dân sự sơ thẩm:

1/ Ông **Lương Văn H1**, bà **Vũ Thị H** liên đới phải nộp 81.167.742 đồng (tám mươi một triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn bảy trăm bốn mươi hai đồng).

2/ Ông **Lương Văn H1** phải nộp 18.882.933 đồng (mười tám triệu tám trăm tám mươi hai nghìn chín trăm ba mươi ba đồng).

3/ Hoàn trả cho **Ngân hàng thương mại cổ phần Q** số tiền 38.240.000 đồng (ba mươi tám triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0013763 ngày 04/03/2026 của Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

IV Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 15/6/2026). Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 17 - Tp. Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu: VT, HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Ngọc Lan